

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Số: 47/2016/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2016

## QUYẾT ĐỊNH

VỀ THÍ ĐIỂM CƠ CHẾ HỖ TRỢ MỘT LẦN SAU ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 89/2015/NĐ-CP NGÀY 07 THÁNG 10 NĂM 2015 CỦA CHÍNH PHỦ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2014/NĐ-CP NGÀY 07 THÁNG 7 NĂM 2014 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ MỘT SỐ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;*

*Căn cứ Luật thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản;*

*Căn cứ Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về thí điểm cơ chế hỗ trợ một lần sau đầu tư theo quy định tại Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định thí điểm cơ chế hỗ trợ một lần sau đầu tư (sau đây gọi là hỗ trợ sau đầu tư) cho chủ tàu đóng mới tàu theo quy định tại Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân (sau đây gọi là chủ tàu) đặt hàng đóng mới và sở hữu tàu khai thác hải sản xa bờ và tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ có tổng công suất máy chính từ 800 CV trở lên.

2. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ sau đầu tư**

1. Chỉ hỗ trợ sau đầu tư đối với tàu đóng mới đã hoàn thành là tàu khai thác hải sản xa bờ vỏ thép, vỏ vật liệu mới, vỏ gỗ; tàu dịch vụ hậu cần vỏ thép.

2. Tàu cá đóng mới phải sử dụng máy thủy mới. Đối với máy móc, trang thiết bị bao gồm: Máy móc, trang thiết bị hàng hải; thiết bị phục vụ khai thác; ngư lưới cụ; trang thiết bị bảo quản hải sản; máy móc, trang thiết bị bảo quản hàng hóa; trang thiết bị bốc xếp hàng hóa, chủ tàu chỉ được hưởng hỗ trợ đối với máy móc, trang thiết bị mua mới và không được hưởng hỗ trợ đối với máy móc, trang thiết bị đã qua sử dụng.

3. Trong trường hợp có nhiều chính sách hỗ trợ đóng mới tàu thì tàu đóng mới đã được hưởng chính sách hỗ trợ đóng mới tàu của Nhà nước thì không được hỗ trợ sau đầu tư theo quy định tại Quyết định này.

### **Điều 4. Điều kiện được hưởng hỗ trợ sau đầu tư**

1. Chủ tàu quy định tại Điều 2 của Quyết định này đang hoạt động nghề cá có hiệu quả, có khả năng tài chính và có phương án sản xuất cụ thể, được Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt.

2. Chủ tàu là thành viên của tổ đội, hợp tác xã, doanh nghiệp khai thác hải sản.

3. Tàu phải lắp đặt thiết bị thông tin có khả năng định vị kết nối với trạm bờ để quản lý quan sát hành trình.

4. Tàu khai thác hải sản xa bờ phải có giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, giấy chứng nhận đăng ký tàu cá và giấy phép khai thác thủy sản được cơ quan có thẩm quyền cấp. Nghề khai thác hải sản phải phù hợp với quy định tại Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản đến năm 2020, tầm nhìn 2030; theo đó, phát triển các nghề vây khơi, câu khơi kết hợp chụp mực, câu cá ngư đại dương, trừ các nghề lưới kéo, nghề cố định, nghề lưới vó, nghề mảnh và một số nghề lưới rê ven bờ.

5. Tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ phải có giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; đăng ký thường xuyên hoạt động dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ với cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản tại địa phương nơi đăng ký hoặc nơi cư trú và không được kiêm nghề khai thác thủy sản.

6. Chủ tàu thực hiện ký hợp đồng đóng mới tàu trong khoảng thời gian kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2015 (ngày Nghị định số 89/2015/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016. Trường hợp chủ tàu ký hợp đồng đóng tàu trước ngày 25 tháng 11 năm 2015 hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 thì không được hưởng hỗ trợ sau đầu tư.

#### **Điều 5. Mức hỗ trợ đóng mới tàu**

1. Đối với đóng mới tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ, bao gồm cả máy móc, trang thiết bị hàng hải; máy móc thiết bị bảo quản hải sản; máy móc, trang thiết bị bảo quản hàng hóa; trang thiết bị bốc xếp hàng hóa:

a) Trường hợp đóng mới tàu vỏ thép có tổng công suất máy chính từ 800CV đến dưới 1.000CV: Chủ tàu được hỗ trợ 35% tổng giá trị đầu tư đóng mới nhưng không quá 8 tỷ đồng/tàu.

b) Trường hợp đóng mới tàu vỏ thép có tổng công suất máy chính từ 1.000CV trở lên: Chủ tàu được hỗ trợ 35% tổng giá trị đầu tư đóng mới nhưng không quá 9,8 tỷ đồng/tàu.

2. Đối với đóng mới tàu khai thác hải sản xa bờ, bao gồm cả máy móc, trang thiết bị hàng hải; thiết bị phục vụ khai thác; ngư lưới cụ; trang thiết bị bảo quản hải sản:

a) Trường hợp đóng mới tàu cá vỏ thép có tổng công suất máy chính từ 800CV đến dưới 1.000CV: Chủ tàu được hỗ trợ 35% tổng giá trị đầu tư đóng mới tàu cá nhưng không quá 6,7 tỷ đồng/tàu cá.

b) Trường hợp đóng mới tàu cá vỏ thép có tổng công suất máy chính từ 1.000CV trở lên: Chủ tàu được hỗ trợ 35% tổng giá trị đầu tư đóng mới tàu cá nhưng không quá 8 tỷ đồng/tàu cá.

c) Trường hợp đóng mới tàu cá vỏ composit có tổng công suất máy chính từ 800CV trở lên: Chủ tàu được hỗ trợ 35% tổng giá trị đầu tư đóng mới tàu cá nhưng không quá 6,7 tỷ đồng/tàu cá.

d) Trường hợp đóng mới tàu cá vỏ gỗ có tổng công suất máy chính từ 800CV trở lên: Chủ tàu được hỗ trợ 15% tổng giá trị đầu tư đóng mới tàu cá nhưng không quá 2 tỷ đồng/tàu cá.

#### **Điều 6. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ sau đầu tư**

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ sau đầu tư của chủ tàu bao gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ sau đầu tư đóng mới tàu của chủ tàu có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường/xã nơi chủ tàu cư trú về các nội dung sau: Cư trú hợp pháp của chủ tàu; Chủ tàu đã thực hiện đóng mới tàu (Đơn theo Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này).

b) Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân của chủ tàu.

c) Hợp đồng đóng mới tàu để xác định chủ tàu đặt hàng đóng mới tàu.

d) Văn bản xác nhận của cơ sở đóng tàu về thời điểm chủ tàu ký hợp đồng đóng mới tàu với cơ sở đóng tàu.

đ) Bảng quyết toán của cơ sở đóng tàu về tổng mức đầu tư đóng mới tàu (bao gồm cả đầu tư mua mới máy móc, trang thiết bị: Máy móc, trang thiết bị hàng hải; thiết bị phục vụ khai thác; ngư lưới cụ; trang thiết bị bảo quản hải sản; trang thiết bị bảo quản hàng hóa; trang thiết bị bốc xếp hàng hóa) kèm theo các hóa đơn, chứng từ thanh toán tiền đóng mới tàu, tiền mua mới máy móc, trang thiết bị.

e) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, giấy chứng nhận đăng ký tàu cá và giấy phép khai thác thủy sản được cơ quan có thẩm quyền cấp đối với tàu khai thác hải sản xa bờ; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ.

2. Chủ tàu có thể nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ sau đầu tư trực tiếp hoặc qua đường bưu điện. Trường hợp chủ tàu nộp hồ sơ qua đường bưu điện, các giấy tờ, văn bản trong hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao có chứng thực. Trường hợp chủ tàu nộp hồ sơ trực tiếp, các giấy tờ, văn bản trong hồ sơ là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu.

3. Thời gian nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ sau đầu tư quy định tại Quyết định này đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2017. Trường hợp chủ tàu nộp hồ sơ qua đường bưu điện, thời điểm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận hồ sơ được tính theo dấu bưu điện.

## **Điều 7. Trình tự, thủ tục thanh toán tiền hỗ trợ**

1. Chủ tàu thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ sau đầu tư hoàn tất hồ sơ đề nghị thanh toán tiền hỗ trợ sau đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này nộp cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi tàu cá đóng mới được phê duyệt theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Căn cứ vào hồ sơ của chủ tàu, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của chủ tàu, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, rà soát hồ sơ của chủ tàu, nếu thấy hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản thông báo cho chủ tàu. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của chủ tàu, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định về hồ sơ đề nghị thanh toán tiền hỗ trợ, về tổng giá trị đầu tư đóng mới tàu cá và số tiền hỗ trợ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt về số tiền hỗ trợ cho chủ tàu. Kết quả thẩm định phải được lập thành văn bản và được lưu giữ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng với hồ sơ đề nghị thanh toán tiền hỗ trợ.

3. Căn cứ kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định về số tiền hỗ trợ cho chủ tàu trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Quyết định về số tiền hỗ trợ cho chủ tàu (sau đây gọi là Quyết định) được gửi cho chủ tàu có tên trong Quyết định và các cơ quan: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài chính;

Kho bạc Nhà nước tỉnh, cơ quan quản lý thủy sản địa phương, Kho bạc Nhà nước cấp huyện nơi có chủ tàu được hỗ trợ và được niêm yết, công bố công khai tại trụ sở cơ quan.

4. Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính lập lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Căn cứ lệnh chi tiền của Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước thực hiện xuất quỹ ngân sách, chuyển tiền vào tài khoản cho chủ tàu trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc hoặc cấp tiền mặt cho chủ tàu trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Lệnh chi tiền của Sở Tài chính. Kho bạc Nhà nước huyện thông báo công khai lịch cấp tiền hỗ trợ cho chủ tàu tại trụ sở cơ quan để chủ tàu tới Kho bạc Nhà nước làm thủ tục lĩnh tiền hỗ trợ trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Lệnh chi tiền của Sở Tài chính.

6. Về thủ tục nhận tiền hỗ trợ tại Kho bạc Nhà nước: Chủ tàu căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và lịch cấp tiền hỗ trợ do Kho bạc Nhà nước thông báo, đến Kho bạc Nhà nước huyện để làm thủ tục nhận tiền hỗ trợ. Để được nhận tiền hỗ trợ, chủ tàu phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân của chủ tàu còn hiệu lực để đối chiếu và cung cấp tài khoản của chủ tàu (nếu có) để thanh toán tiền hỗ trợ theo hình thức chuyển khoản.

#### **Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện và cấp tiền hỗ trợ sau đầu tư**

1. Ngân sách trung ương thực hiện cấp 100% kinh phí hỗ trợ sau đầu tư cho các chủ tàu đóng mới tàu theo quy định tại Quyết định này.

2. Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn hỗ trợ ngư dân đóng tàu đánh bắt xa bờ theo Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp sử dụng hết nguồn kinh phí hỗ trợ ngư dân đóng tàu đánh bắt xa bờ theo Quyết định số 1263/QĐ-TTg, nguồn kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách trung ương hàng năm.

3. Thực hiện cấp tiền hỗ trợ sau đầu tư cho chủ tàu thông qua Kho bạc Nhà nước trên cơ sở đầy đủ hồ sơ, thủ tục và xác nhận của các cơ quan theo hướng dẫn tại Quyết định này.

#### **Điều 9. Lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí**

Sở Tài chính phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ số lượng tàu đóng mới được hưởng chính sách hỗ trợ sau đầu tư, mức hỗ trợ theo quy định, xác định nhu cầu kinh phí hỗ trợ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp nhu cầu của các địa phương gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ bổ sung kinh phí từ ngân sách trung ương cho các địa phương.

Căn cứ kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ, Sở Tài chính phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân giao dự toán cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện.

Kinh phí hỗ trợ sau đầu tư được tổng hợp vào quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh hàng năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật ngân sách nhà nước và Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

#### **Điều 10. Chế độ báo cáo**

1. Định kỳ hàng quý, hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lập báo cáo chi tiết về tình hình chi hỗ trợ sau đầu tư cho chủ tàu theo Quyết định này gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính (theo Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm Quyết định này).

2. Thời gian gửi báo cáo quý chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý; báo cáo năm sau 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm.

#### **Điều 11. Tổ chức thực hiện**

Ngoài trách nhiệm quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và Nghị định số 89/2015/NĐ-CP, các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ven biển và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm thi hành Quyết định này, cụ thể:

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Tổng hợp nhu cầu kinh phí của các địa phương, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

b) Chủ trì tổ chức thực hiện Quyết định này gắn với việc tổ chức lại sản xuất đối với ngành thủy sản để phát triển bền vững, hiệu quả.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành và địa phương liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định nêu tại Quyết định này, đề xuất biện pháp xử lý và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ những vấn đề vượt thẩm quyền.

d) Kết thúc thời gian thực hiện thí điểm, chủ trì phối hợp với các địa phương và các bộ, ngành có liên quan thực hiện tổng kết chương trình và đề xuất kế hoạch triển khai giai đoạn tiếp theo, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

đ) Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện, định kỳ sơ kết; chủ trì, phối hợp với các bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan tổng hợp kết quả thực hiện Quyết định này định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp nhu cầu, cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển, trình cấp có thẩm quyền quyết định để thực hiện thí điểm cơ chế hỗ trợ sau đầu tư trong trường hợp sử dụng hết nguồn kinh phí hỗ trợ ngư dân đóng tàu đánh bắt xa bờ theo Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

### 3. Bộ Tài chính:

a) Bố trí ngân sách thực hiện thí điểm cơ chế hỗ trợ sau đầu tư quy định tại Quyết định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xử lý các vướng mắc liên quan đến phương thức, hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ sau đầu tư.

### 4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ven biển có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện thí điểm cơ chế hỗ trợ sau đầu tư quy định tại Quyết định này tại địa phương.

b) Giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về việc cư trú hợp pháp, việc thực hiện đóng mới tàu cá của chủ tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Quyết định này.

c) Chỉ đạo các đơn vị chức năng xác định nhu cầu kinh phí hỗ trợ sau đầu tư hàng năm gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, cân đối và bố trí ngân sách để thực hiện chính sách.

d) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện thí điểm cơ chế hỗ trợ sau đầu tư, đảm bảo việc hỗ trợ đúng đối tượng, đúng quy định và công khai, minh bạch.

đ) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá kết quả thực hiện thí điểm cơ chế hỗ trợ sau đầu tư quy định tại Quyết định này.

e) Định kỳ hàng quý và kết thúc năm tài chính, báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### 5. Quyền hạn và trách nhiệm của chủ tàu:

a) Được hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước theo quy định của Quyết định này.

b) Tự quyết định việc lựa chọn mẫu tàu cá, máy móc trang thiết bị, ngư lưới cụ, cơ sở đóng tàu để đầu tư đóng mới tàu khai thác hải sản xa bờ và tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ, trong đó mẫu tàu cá phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với thiết kế mẫu tàu.

c) Tuân thủ quy định pháp luật về thực hiện cơ chế hỗ trợ sau đầu tư.

## **Điều 12. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 12 năm 2016.

2. Bộ trưởng các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ven biển chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**THỦ TƯỚNG**

### ***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3b).<sub>KN</sub>

**Nguyễn Xuân Phúc**

## Phụ lục I

(Kèm theo Quyết định số 47/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)  
(Dành cho chủ tàu)

### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

#### ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ MỘT LẦN SAU ĐẦU TƯ

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh/thành phố...

Tôi tên là: .....

Số CMND/Thẻ căn cước công dân:....., Ngày cấp:....., Nơi cấp: .....

Địa chỉ:..... Điện thoại: .....

Là chủ tàu số đăng ký: .....

Công suất máy chính: .....

Nghề đăng ký hoạt động: .....

Tôi đã đóng tàu vỏ thép/vỏ vật liệu mới/vỏ gỗ số... với tổng số tiền đầu tư đóng mới (bao gồm cả máy móc, trang thiết bị mua mới) là,... (bằng chữ:.....).

Thời điểm ký hợp đồng đóng tàu: Ngày... tháng... năm...;

Căn cứ Quyết định số 47/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm cơ chế hỗ trợ một lần sau đầu tư, tôi đề nghị được quyết toán hỗ trợ đóng mới tàu với số tiền là.....: (bằng chữ:.....)

Tên người thụ hưởng: số tài khoản... tại ngân hàng/Kho bạc...(nếu nhận hỗ trợ theo hình thức chuyển khoản).

Tôi cam kết việc đóng mới tàu, mua mới máy móc, trang thiết bị nêu trên là đúng sự thật và tôi chưa nhận hỗ trợ đóng mới tàu theo chính sách hỗ trợ khác của Nhà nước. Nếu khai sai, tôi sẽ hoàn trả lại số tiền đã nhận hỗ trợ một lần sau đầu tư và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết của mình./.

Các tài liệu gửi kèm gồm:

-...;

-...;

-....

....., ngày.... tháng.... năm...

**Người đề nghị**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã**

## Phụ lục II

(Kèm theo Quyết định số 47/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

UBND tỉnh.....

### **BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỖ TRỢ MỘT LẦN SAU ĐẦU TƯ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 47/2016/QĐ-TTg NGÀY 31 THÁNG 10 NĂM 2016 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

(Quý/Năm...)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

| STT       | Loại tàu   | Tên chủ tàu | Loại vỏ tàu (vỏ thép, vỏ mới, vỏ gỗ) | Công suất máy chính | Tổng giá trị đầu tư đóng mới tàu | Số tiền đã hỗ trợ một lần sau đầu tư |
|-----------|--|-------------|--------------------------------------|---------------------|----------------------------------|--------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ</b> |             |                                      |                     |                                  |                                      |
| 1         | Tàu vỏ thép từ 800CV đến dưới 1000CV               |             |                                      |                     |                                  |                                      |
|           | Số hiệu tàu 1...                                   |             |                                      |                     |                                  |                                      |
|           | Số hiệu tàu 2...                                   |             |                                      |                     |                                  |                                      |
|           | ...  |             |                                      |                     |                                  |                                      |
| 2         | Tàu vỏ thép từ 1000CV trở lên                      |             |                                      |                     |                                  |                                      |
|           | Số hiệu tàu 1...                                   |             |                                      |                     |                                  |                                      |
|           | Số hiệu tàu 2...                                   |             |                                      |                     |                                  |                                      |
|           | ...  |             |                                      |                     |                                  |                                      |
| <b>II</b> | <b>Tàu khai thác hải sản xa bờ</b>                 |             |                                      |                     |                                  |                                      |
| 1         | Tàu vỏ thép từ 800CV đến dưới 1000CV               |             |                                      |                     |                                  |                                      |
|           | Số hiệu tàu 1...                                   |             |                                      |                     |                                  |                                      |
|           | Số hiệu tàu 2...                                   |             |                                      |                     |                                  |                                      |
|           | ...  |             |                                      |                     |                                  |                                      |

|   |                               |  |  |  |  |  |
|---|-------------------------------|--|--|--|--|--|
| 2 | Tàu vỏ thép từ 1000CV trở lên |  |  |  |  |  |
|   | Số hiệu tàu 1...              |  |  |  |  |  |
|   | Số hiệu tàu 2...              |  |  |  |  |  |
|   | ...                           |  |  |  |  |  |
| 3 | Tàu vỏ vật liệu mới           |  |  |  |  |  |
|   | Số hiệu tàu 1...              |  |  |  |  |  |
|   | Số hiệu tàu 2...              |  |  |  |  |  |
|   | ...                           |  |  |  |  |  |
| 4 | Tàu vỏ gỗ                     |  |  |  |  |  |
|   | Số hiệu tàu 1...              |  |  |  |  |  |
|   | Số hiệu tàu 2...              |  |  |  |  |  |
|   | ...                           |  |  |  |  |  |
|   | <b>Tổng cộng</b>              |  |  |  |  |  |

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### Phụ lục III

(Kèm theo Quyết định số 47/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

UBND tỉnh.....

#### **TỔNG HỢP BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ MỘT LẦN SAU ĐẦU TƯ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 47/2016/QĐ-TTg NGÀY 31 THÁNG 10 NĂM 2016 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

(Quý/Năm...)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

| STT       | Loại tàu   | Tình hình thực hiện hỗ trợ trong kỳ |         | Tình hình thực hiện hỗ trợ lũy kế từ thời điểm Quyết định số 47/2016/QĐ-TTg có hiệu lực đến thời điểm báo cáo |         |
|-----------|--|-------------------------------------|---------|---|---------|
|           |  | Số tàu                              | Số tiền | Số tàu  | Số tiền |
| <b>I</b>  | <b>Tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ</b> |                                     |         |   |         |
| 1         | Tàu vỏ thép từ 800CV đến dưới 1000CV               |                                     |         |   |         |
| 2         | Tàu vỏ thép từ 1000CV trở lên                      |                                     |         |   |         |
| <b>II</b> | <b>Tàu khai thác hải sản xa bờ</b>                 |                                     |         |   |         |
| 1         | Tàu vỏ thép từ 800CV đến dưới 1000CV               |                                     |         |   |         |
| 2         | Tàu vỏ thép từ 1000CV trở lên                      |                                     |         |   |         |
| 3         | Tàu vỏ vật liệu mới                                |                                     |         |   |         |
| 4         | Tàu vỏ gỗ  |                                     |         |   |         |
|           | <b>Tổng cộng</b>                                   |                                     |         |   |         |

NGƯỜI LẬP BIỂU

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

(Ký tên, đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.